

DANH SÁCH LỚP 10A11 - NĂM HỌC 2026 - 2027 (Tổng hợp 3)

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Điểm TS 10	Điểm khảo sát				Điểm Xếp Lớp	Lớp
					M1	M2	M3	Tổng KS		
1	Đào Hồng	Anh	27-06-2011	21.25	4.75	2.5	5.25	12.5	33.75	10A11
2	Trần Hoàng Quỳnh	Anh	27-04-2011	20.50	4.5	3	4.5	12	32.50	10A11
3	Nguyễn Phan Quỳnh	Anh	18-05-2011	21.75	1.25	2	5	8.25	30.00	10A11
4	Ngô Minh	Ánh	15-04-2011	22.50	3.5	4	5	12.5	35.00	10A11
5	Nguyễn Văn	Bảo	09-05-2011	21.75	5.75	2.5	4.75	13	34.75	10A11
6	Nguyễn Ngọc Thùy	Chi	23-12-2011	22.00	5.25	1.5	4.25	11	33.00	10A11
7	Trần Nguyễn Thuỳ	Chi	03-12-2011	20.50	4.25	1.5	3.5	9.25	29.75	10A11
8	Phan Nguyễn Kim	Chi	01-01-2011	20.50	1.75	2.5	4.25	8.5	29.00	10A11
9	Hoàng Văn Quốc	Cường	22-04-2011	21.75	4.5	2.5	4.75	11.75	33.50	10A11
10	Nguyễn Ngọc Linh	Đan	20-01-2011	24.00	5.25	2.5	3.5	11.25	35.25	10A11
11	Vũ Hải	Đăng	26-01-2011	23.00	2.75	4	7	13.75	36.75	10A11
12	Đỗ Hữu	Đạt	14-08-2011	20.25	2.5	1	2.5	6	26.25	10A11
13	Nguyễn Thành	Duy	13-06-2011	20.25					20.25	10A11
14	Hồ Hương	Giang	03-06-2011	23.75	3.5	1	5.75	10.25	34.00	10A11
15	Phạm Nguyễn Khánh	Hà	11-03-2011	22.00	1.75	1.5	3	6.25	28.25	10A11
16	Đỗ Ngọc	Hân	08-03-2011	20.50	2.5	3	5.75	11.25	31.75	10A11
17	Nguyễn Mạnh Thu	Hiền	08-05-2011	22.00	4	3.5	5.5	13	35.00	10A11
18	Lê Đình	Hiếu	15-10-2011	24.25	4	0.5	7	11.5	35.75	10A11
19	Trương Thị Tuyết	Hoa	23-07-2011	22.00	5	1	4	10	32.00	10A11
20	Huỳnh	Hoàng	23-10-2011	22.75	6	1	5.5	12.5	35.25	10A11
21	Nguyễn Trần Gia	Hoàng	12-02-2011	21.00	4.5	2.5	4.75	11.75	32.75	10A11
22	Lê Vũ Gia	Huy	27-09-2011	24.00	8		4	12	36.00	10A11
23	Vũ Phạm Khánh	Huyền	31-10-2011	22.25	1.5	3.5	5.25	10.25	32.50	10A11
24	Trần Tuấn	Long	12-04-2011	23.75	4	1.5	5	10.5	34.25	10A11
25	Võ Nhật	Nam	09-05-2011	20.25	3.75	4.75	6.75	15.25	35.50	10A11
26	Nguyễn Trọng	Nghĩa	14-01-2011	20.50	5.75	2.25	5.25	13.25	33.75	10A11
27	Trần Diệp	Nhi	17-08-2011	21.50	6	4.5	4.75	15.25	36.75	10A11
28	Nguyễn Hoàng An	Nhiên	16-05-2011	23.50	3.5	0	3.25	6.75	30.25	10A11
29	Trần Thành	Phát	20-12-2011	21.00	7	2	4.5	13.5	34.50	10A11
30	Nguyễn Hà	Phương	19-06-2011	23.00	5.5	3.25	4.75	13.5	36.50	10A11
31	Mai Hoàng	Sang	03-09-2011	22.00	3.25	4.25	5.25	12.75	34.75	10A11

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Điểm TS 10	Điểm khảo sát				Điểm Xếp Lớp	Lớp
					M1	M2	M3	Tổng KS		
32	Nguyễn Trần Trọng	Tấn	02-01-2011	21.00	2.5	1.75	5.5	9.75	30.75	10A11
33	Lê Phương	Thảo	16-02-2011	20.25	1.75	3.5	5.5	10.75	31.00	10A11
34	Phạm Ngọc Anh	Thơ	16-04-2011	24.75	4.5	0	4.5	9	33.75	10A11
35	Chu Trần Anh	Thư	27-09-2011	21.75	4.5	2.25	4.25	11	32.75	10A11
36	Phan Đặng Thủy	Tiên	12-02-2011	24.25	4.25	1.25	6.5	12	36.25	10A11
37	Phạm Trương Huyền	Trang	03-03-2011	23.75					23.75	10A11
38	Phan Bảo	Trân	14-05-2011	21.25	5.75	2.5	6.25	14.5	35.75	10A11
39	Hoàng Thị Nhã	Trúc	09-03-2011	20.75	5.25	1.5	4	10.75	31.50	10A11
40	Huỳnh Thanh	Trúc	18-11-2011	21.75	3	1.5	1.5	6	27.75	10A11
41	Vũ Ngọc Cát	Tường	02-11-2011	24.75	0.5	1	6	7.5	32.25	10A11
42	Trương Lê Nhã	Uyên	02-06-2011	25.00	2.75	2	6.25	11	36.00	10A11
43	Trần Thị Thanh	Vân	06-03-2011	21.50	5.5	2	5.25	12.75	34.25	10A11
44	Hoàng Thị	Vy	14-06-2011	22.75	1.75	1	6.25	9	31.75	10A11
45	Trần Minh	Vy	12-03-2011	22.25	1.25	2	5.75	9	31.25	10A11
46	Nguyễn Lê Kim	Yến	01-01-2011	22.50	4.75	4.5	4.75	14	36.50	10A11
47	Nguyễn Thị Bích	Loan	HÒA NHẬP							10A11
48	Phạm Yến	Nhi	HÒA NHẬP							10A11